

Số: 1328A/QĐ-LTT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Chỉ định thầu đơn vị sửa chữa xưởng E2.1-05 xưởng thực hành 9  
và văn phòng Đoàn khoa Công nghệ Động lực thành phòng học lý thuyết**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quy định về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ vào khả năng cung cấp, chất lượng sản phẩm và so sánh giá giữa các đơn vị cung cấp báo giá;

Căn cứ theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay chọn đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT PHÚ HOÀNG GIA** là đơn vị sửa chữa xưởng E2.1-05 xưởng thực hành 9 và văn phòng Đoàn khoa Công nghệ Động lực thành phòng học lý thuyết.

Địa chỉ: 504/40 Cách Mạng Tháng 8, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Công tác, khối lượng công việc sửa chữa như sau:

| STT                  | Tên công tác / Diễn giải khối lượng                                                                          | Đơn vị | K.L<br>C.Kiện      | Khối lượng | Đơn giá    | Thành Tiền        |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------|------------|------------|-------------------|
|                      | <b>HẠNG MỤC</b>                                                                                              |        |                    |            |            |                   |
| 1                    | Tháo vách tường xây gạch ống<br><i>KT: 5,9*3,9*0,1 = 2,301</i>                                               | m3     | 2,3010             | 2,3010     | 375.000    | 862.875           |
| 2                    | Tập kết vận chuyển xà bần ra khỏi công trình<br><i>KT : (5,9*3,9*0,1)*1,3 = 2,9913</i>                       | m3     | 2,9913             | 2,9913     | 390.000    | 1.166.607         |
| 3                    | Trát dặm vá tường sau khi tháo dỡ                                                                            | hệ     |                    | 1,0000     | 1.650.000  | 1.650.000         |
| 4                    | Sản xuất lắp dựng xà gỗ sắt I200<br><i>KT: 2*6 = 12</i>                                                      | m      | 12,0000            | 12,0000    | 712.000    | 8.544.000         |
| 5                    | Sản xuất lắp dựng xà gỗ sắt hộp tráng kẽm [J]50x100x1.8<br><i>15*6 = 90</i>                                  | m      | 90,0000            | 90,0000    | 161.000    | 14.490.000        |
| 6                    | Lắp dựng tấm Cemboar Thái Lan dày 18mm<br><i>KT : 5,9*5,9 = 34,81</i>                                        | m2     | 34,8100            | 34,8100    | 386.000    | 13.436.660        |
| 7                    | SXLD sắt d6 @1500<br><i>D6 : 2*(42*6*0,222)/1000 = 0,1119</i>                                                | Tấn    | 0,1119             | 0,1119     | 29.750.000 | 3.329.025         |
| 8                    | Bê tông đá Mi, mác 250 dày 100<br><i>KT: 0,1*6*6 = 3,6</i>                                                   | m3     | 3,6000             | 3,6000     | 1.965.000  | 7.074.000         |
| 9                    | Láng nền dày 2cm, vữa mác 75<br><i>KT: 6*6 = 36</i>                                                          | m2     | 36,0000            | 36,0000    | 195.000    | 7.020.000         |
| 10                   | Lát gạch nền Ceramic 40x40cm<br><i>Nền: 6*6 = 36</i><br><i>Len: (6*4*0,13)</i>                               | m2     | 36,0000<br>3,1200  | 39,1200    | 395.000    | 15.452.400        |
| 11                   | Sơn nước tường đã bả 1 nước lót, 2 nước phủ<br><i>KT: 4*6*3,9 = 93,6</i><br><i>Trừ cửa: -1,2*2,2 = -2,64</i> | m2     | 93,6000<br>-2,6400 | 90,9600    | 87.500     | 7.959.000         |
| 12                   | Sơn dầu trần bằng sơn bạch Tuyết<br><i>KT : 6*6 = 36</i>                                                     | m2     | 36,0000            | 36,0000    | 125.000    | 4.500.000         |
| 13                   | Sơn dầu xà gỗ bằng sơn bạch Tuyết<br><i>Xà gỗ I: 2*6 = 12</i><br><i>Xà gỗ sắt hộp: 15*6 = 90</i>             | m      | 12,0000<br>90,0000 | 102,0000   | 35.000     | 3.570.000         |
| <b>Tổng cộng:</b>    |                                                                                                              |        |                    |            |            | <b>89.054.567</b> |
| Thuế VAT 10%:        |                                                                                                              |        |                    |            |            | 8.905.457         |
| <b>Tổng giá trị:</b> |                                                                                                              |        |                    |            |            | <b>97.960.024</b> |

Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn không trăm hai mươi bốn đồng.  
 Giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày

Nguồn: Tiền gửi thu sự nghiệp khác.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Quản trị - Dịch vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KH-TC.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Phạm Hữu Lộc**